

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-31



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch thường trực
Ông Phạm Đức Long	Phó chủ tịch
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Long	Phó Tổng Giám đốc thường trực

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Bà Đặng Thanh Lan	Ủy viên
Bà Đào Thị Bích Khánh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Số: 450 /2013/BC.KTTC-AASC.KT7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán được Công ty ký với các tổ chức, cá nhân đang theo dõi trên Khoản mục Đầu tư chứng khoán ngắn hạn. Tổng giá trị hợp đồng còn chưa quyết toán tại thời điểm 31/12/2012 là 102.006.377.834 đồng và công ty đang trích lập dự phòng cho các hợp đồng nêu trên với số tiền là 3.060.191.335 đồng, tương ứng với tỷ lệ 3% trên tổng giá trị hợp đồng còn dư tại thời điểm 31/12/2012. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tới BCTC.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0725/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1126/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALLĐịa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

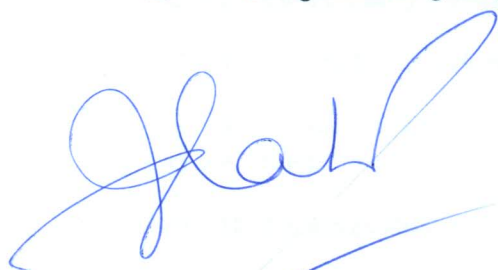
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		308.805.570.465	378.015.975.458
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	70.117.099.557	110.856.348.356
111	1. Tiền		10.337.099.557	8.156.348.356
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.780.000.000	102.700.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	224.122.364.055	251.742.244.989
121	1. Đầu tư ngắn hạn		227.232.990.142	251.800.171.289
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(3.110.626.087)	(57.926.300)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		460.654.629	1.623.453.764
131	1. Phải thu của khách hàng		64.962.956	888.530.000
132	2. Trả trước cho người bán		14.950.000	48.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác	6	395.741.673	711.923.764
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(15.000.000)	(25.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.105.452.224	13.793.928.349
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		369.944.941	737.179.177
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.207.625.523	1.201.377.412
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	11.830.431.760	11.830.431.760
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	697.450.000	24.940.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		218.761.675.888	145.751.306.005
220	II. Tài sản cố định		3.508.208.957	6.145.219.096
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.066.794.687	5.160.554.149
222	- Nguyên giá		10.575.635.412	10.510.069.048
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.508.840.725)	(5.349.514.899)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	441.414.270	984.664.947
228	- Nguyên giá		2.312.949.300	2.312.949.300
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.871.535.030)	(1.328.284.353)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	196.019.330.000	136.374.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		86.806.900.000	27.900.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		122.950.000.000	122.950.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(13.737.570.000)	(14.476.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		19.234.136.931	3.232.086.909
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	17.126.901.639	221.959.613
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.863.956.667	1.705.991.570
268	4. Tài sản dài hạn khác		243.278.625	1.304.135.726
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		527.567.246.353	523.767.281.463

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		17.409.180.459	12.416.588.108
310	I. Nợ ngắn hạn		17.409.180.459	12.416.588.108
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	1.800.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		1.180.562.250	67.279.339
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	40.533.309	12.632.143
315	5. Phải trả người lao động		13.040.598	9.559.182
316	6. Chi phí phải trả	17	114.743.719	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	4.947.355.240	5.010.300.796
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	8.828.813.809	6.473.057.276
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	259.127.838
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		484.131.534	584.631.534
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		510.158.065.894	511.350.693.355
410	I. Vốn chủ sở hữu		510.158.065.894	511.350.693.355
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	503.000.000.000	503.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	8.228.377.171
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.195.539.221)	122.316.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		527.567.246.353	523.767.281.463

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
	EUR		99,24	99,18
	USD		25.912,62	30.911,19
006	6. Chứng khoán lưu ký		48.427.670.000	437.832.200.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		35.629.170.000	435.493.790.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		84.110.000	-
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		31.677.680.000	435.493.790.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		3.867.380.000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	55.600.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	55.600.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		12.798.500.000	1.833.600.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		12.798.500.000	1.833.600.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	449.210.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	449.210.000



Lê Thị Thái Hà
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

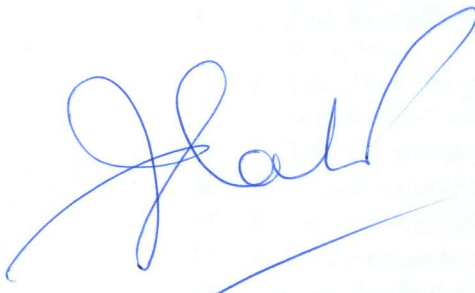
Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	33.095.598.872	42.249.303.098
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.115.490.547	2.525.283.745
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.616.111.601	836.237.221
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		45.454.545	698.050.182
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		574.000	3.021.850
01.9	Doanh thu khác		27.317.968.179	38.186.710.100
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		33.095.598.872	42.249.303.098
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	21.398.328.222	23.072.676.234
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		11.697.270.650	19.176.626.864
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.890.587.978	17.973.547.114
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.193.317.328)	1.203.079.750
31	8. Thu nhập khác		1.036.134	1.497.015.131
32	9. Chi phí khác		346.267	1.180.990.825
40	10. Lợi nhuận khác		689.867	316.024.306
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.192.627.461)	1.519.104.056
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	266.824.609
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.192.627.461)	1.252.279.447
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(24)	25

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013


Lê Thị Thái Hà
 Kế toán trưởng


Phạm Diễm Hoa
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		16.590.736.099	27.851.940.395
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(13.749.223.879)	(31.630.819.430)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		-	(368.485.105)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		327.369.067.886	1.716.000.504.021
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(295.631.201.259)	(1.718.539.015.085)
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành		666.480.000	47.705.216.250
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(24.666.480.000)	(50.971.211.604)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.749.700.170)	(14.910.245.845)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(3.362.627.920)	(6.523.267.969)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		(3.303.753.614)	(22.000.000)
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
14	12. Tiền thu khác		1.406.730.449	6.762.969.691
15	13. Tiền chi khác		(4.277.725.277)	(4.305.292.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(6.707.697.685)	(28.949.706.772)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.345.111.818)	(3.872.989.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	940.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(285.376.009.678)	(390.467.300.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		236.035.597.177	474.237.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(162.980.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	26.980.181.718
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.853.973.205	43.043.982.191
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.831.551.114)	(12.117.716.000)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		173.870.000.000	45.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(172.070.000.000)	(45.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.762.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.800.000.000	(1.762.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.739.248.799)	(42.829.422.772)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	110.856.348.356	153.685.771.128
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	<u>4</u> <u>70.117.099.557</u>	<u>110.856.348.356</u>

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Lê Thị Thái Hà
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Năm 2012	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	8.228.377.171	125.227.944	-	8.353.605.115
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	122.316.184	(1.192.627.461)	(125.227.944)	(1.195.539.221)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	511.350.693.355	(1.067.399.517)	(125.227.944)	510.158.065.894

Năm 2011	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	6.782.978.243	1.445.398.928	-	8.228.377.171
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	329.035.665	1.252.279.447	(1.458.998.928)	122.316.184
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	510.112.013.908	2.697.678.375	(1.458.998.928)	511.350.693.355


Lê Thị Thái Hà
Kế toán trưởng


Phạm Diễm Hoa
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 . KỲ KẾ TOÁN , ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, Tín phiếu kho bạc, Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	12.266.081	159.890.455.493
- Cổ phiếu	8.011.101	122.540.655.493
- Chứng chỉ quỹ, CP chưa niêm yết	4.254.980	37.349.800.000
Của người đầu tư	168.543.638	1.190.648.006.307
- Cổ phiếu	168.543.638	1.190.648.006.307
	180.809.719	1.350.538.461.800

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền	10.337.099.557	8.156.348.356
- Tiền mặt tại quỹ	171.637.223	5.396.504
- Tiền mặt của nhà đầu tư	-	317.901.461
- Tiền gửi ngân hàng	1.336.648.525	1.727.040.677
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	8.828.813.809	6.106.009.714
Các khoản tương đương tiền	59.780.000.000	102.700.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	59.780.000.000	102.700.000.000
	70.117.099.557	110.856.348.356

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chứng khoán thương mại	112.577.641	72.670.371.289
- Chứng khoán niêm yết	112.577.641	113.271.289
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	72.557.100.000
Đầu tư ngắn hạn khác	227.120.412.501	179.129.800.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	125.114.034.667	127.000.000.000
- Trái phiếu	-	1.349.800.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (**)	102.006.377.834	50.780.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.110.626.087)	(57.926.300)
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại (*)	(50.434.752)	(57.926.300)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác (**)	(3.060.191.335)	-
	224.122.364.055	251.742.244.989

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

(*) Cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân và đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày lập dự phòng. Xem Phụ lục 01 - Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(**) Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán với các tổ chức và cá nhân để đầu tư chứng khoán:

Đối tượng	Số dư đến ngày 31/12/2012
Võ Nguyên Hòa	36.070.330.000
Lê Thị Kim Thoa	41.956.047.834
Phạm Xuân Phương	10.000.000.000
Công ty CP Vàng Phố Wall	2.980.000.000
Nguyễn Anh Tâm	6.000.000.000
Lê Văn Chiến	2.500.000.000
Trịnh Xuân Nguyên	2.500.000.000
Cộng	102.006.377.834

(*) Khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, số tiền: 3.060.191.335 đồng được trích lập cho các hợp đồng nêu trên. Tỷ lệ là 3% trên tổng số vốn đầu tư.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	36.405.900
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	395.256.573	643.670.172
Phải thu khác	485.100	31.847.692
	<u>395.741.673</u>	<u>711.923.764</u>

7 . TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	25.000.000	84.958.960
Số hoàn nhập trong kỳ	25.000.000	59.958.960
Số trích lập trong kỳ (*)	15.000.000	-
Số dư cuối kỳ	<u>15.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	<u>11.830.431.760</u>	<u>11.830.431.760</u>

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	678.750.000	8.240.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	18.700.000	16.700.000
	<u>697.450.000</u>	<u>24.940.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	-	4.060.091.692	3.640.069.952	2.809.907.404	-	10.510.069.048
Số tăng trong năm	-	65.566.364	-	-	-	65.566.364
- Mua sắm mới	-	65.566.364	-	-	-	65.566.364
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	4.125.658.056	3.640.069.952	2.809.907.404	-	10.575.635.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	-	2.563.398.462	714.538.781	2.071.577.656	-	5.349.514.899
Số tăng trong năm	-	968.899.618	606.678.324	583.747.884	-	2.159.325.826
- Trích khấu hao	-	968.899.618	606.678.324	583.747.884	-	2.159.325.826
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.532.298.080	1.321.217.105	2.655.325.540	-	7.508.840.725
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	-	1.496.693.230	2.925.531.171	738.329.748	-	5.160.554.149
Số dư cuối năm	-	593.359.976	2.318.852.847	154.581.864	-	3.066.794.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	2.312.949.300
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	2.312.949.300
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.328.284.353
Số tăng trong năm	543.250.677
- Trích khấu hao	543.250.677
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	1.871.535.030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	984.664.947
Số dư cuối năm	441.414.270

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	86.806.900.000	27.900.000.000
- Chứng khoán chưa niêm yết	86.806.900.000	27.900.000.000
Đầu tư dài hạn khác (**)	122.950.000.000	122.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (***)	(13.737.570.000)	(14.476.000.000)
	196.019.330.000	136.374.000.000

Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn

	Cổ phiếu	Giá trị tại ngày 31/12/2012
		VND
(*) Đầu tư chứng khoán dài hạn		
Công ty CP khoáng sản Thiên Đức	530.000	6.900.000.000
Cổ phiếu Cty CP May Đức Giang	834.980	22.349.800.000
Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm vạc	575.571	57.557.100.000
Tổng	1.940.551	86.806.900.000

() Đầu tư dài hạn khác**

Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đại La và 152 Ngọc Lâm		108.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Phố Wall	1.495.000	14.950.000.000
Tổng		122.950.000.000

(***) Cơ sở trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn chưa niêm yết căn cứ vào báo giá chứng khoán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	14.245.989.304	-
Chi phí sửa chữa tầng 9 tòa nhà ICON 4	2.818.573.202	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.339.133	221.959.613
Số dư cuối năm	17.126.901.639	221.959.613

(*) Chi phí thuê văn phòng dài hạn là chi phí thuê 720 m2 diện tích tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4 số 243 Đê La Thành Hà Nội của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê kể từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043. Khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn ngày 15/10/2043, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 15/10/2043 thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phổ Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phổ Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	1.705.991.570	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	-	1.509.315.913
Tiền lãi phân bổ trong năm	157.965.097	76.675.657
Số dư cuối năm	1.863.956.667	1.705.991.570

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.800.000.000	-
- Vay ngân hàng	1.800.000.000	-
	1.800.000.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 23512/HĐTD ngày 14/12/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay: Ngân hàng TMCP Bắc Á chi nhánh Hàng Đậu
- + Ngân hàng cho vay số tiền: 2.800.000.000 VND;
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên 14/12/2012
- + Lãi suất cho vay: lãi suất ban đầu 16,6%/năm và điều chỉnh 03 tháng/lần
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: 7 sổ tiết kiệm trị giá 26.280.000.000 VND tại ngân hàng Bắc Á

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	40.533.309	12.632.143
	40.533.309	12.632.143

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	114.743.719	-
	114.743.719	-

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.807.000.000	4.807.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.355.240	203.300.796
	4.947.355.240	5.010.300.796

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	23.375.547
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	25.770.554
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	8.828.813.809	6.423.911.175
	8.828.813.809	6.473.057.276

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	503.000.000.000	503.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	33.095.598.872	42.249.303.098
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.115.490.547	2.525.283.745
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.616.111.601	836.237.221
- Doanh thu hoạt động tư vấn	45.454.545	698.050.182
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	574.000	3.021.850
- Lãi tiền gửi	27.317.968.179	38.186.710.100
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	33.095.598.872	42.249.303.098

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.082.480.292	1.798.553.517
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	11.906.285.658	29.902.071.023
Chi phí hoạt động tư vấn	100.000.000	70.532.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	39.170.259	25.770.554
Chi phí dự phòng	2.314.269.787	(13.387.915.838)
Chi phí lãi vay	3.303.753.614	22.000.000
Chi phí trực tiếp chung	2.652.368.612	4.641.664.978
- Chi phí nhân viên	940.475.937	1.533.050.943
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	101.173.141	1.845.438.620
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.090.605.005	870.987.632
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	489.679.415	388.636.408
- Chi phí khác bằng tiền	30.435.114	3.551.375
	21.398.328.222	23.072.676.234

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.425.633.399	4.769.412.481
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	501.370.332	362.838.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.611.971.498	674.239.256
Thuế, phí và lệ phí	2.327.317.493	273.022.553
Chi phí dự phòng	(10.000.000)	84.958.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.819.401.052	9.842.291.452
Chi phí khác bằng tiền	1.214.894.204	1.966.784.352
	12.890.587.978	17.973.547.114

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.192.627.461)	1.519.104.056
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.296.111.591)	(451.805.620)
- Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức)	(3.296.111.591)	(451.805.620)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(4.488.739.052)	1.067.298.436
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	266.824.609
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	266.824.609
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	266.824.609

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(1.192.627.461)	1.252.279.447
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.192.627.461)	1.252.279.447
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(24)	25

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.117.099.557	-	110.856.348.356	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	460.704.629	(15.000.000)	1.600.453.764	(25.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	227.232.990.142	(3.110.626.087)	251.800.171.289	(57.926.300)
Đầu tư dài hạn	209.756.900.000	(13.737.570.000)	150.850.000.000	(14.476.000.000)
Cộng	507.567.694.328	(16.863.196.087)	515.106.973.409	(14.558.926.300)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.800.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	14.956.731.299	11.550.637.411
Chi phí phải trả	114.743.719	-
	16.871.475.018	11.550.637.411

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất. Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	6.127.917.490	-	-	6.127.917.490
Chi phí phải trả	114.743.719	-	-	114.743.719
Cộng	8.042.661.209	-	-	8.042.661.209
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.077.580.135	-	-	5.077.580.135
Cộng	5.077.580.135	-	-	5.077.580.135

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	8.828.813.809	6.423.911.175
	8.828.813.809	6.423.911.175

28 . THÔNG TIN KHÁC

Thực hiện thỏa thuận hợp tác cung cấp dịch vụ đầu tư chứng khoán số 01/TTHT/2009/PVFI-WSS ngày 13/5/2009 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) và Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI), PVFI đã cung cấp dịch vụ tài chính cho một số khách hàng của Công ty để đầu tư chứng khoán. Đến thời điểm 31/12/2010, một số khách hàng còn nợ PVFI số nợ gốc 74,6 tỷ đồng là tại các tài khoản mà bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh (thời kỳ đó là Giám đốc Ban Dịch vụ Tài chính của PVFI) được ủy quyền quản lý, giao dịch. Số nợ trên được hình thành do bà Quỳnh đã thực hiện thủ tục giải ngân không theo quy định của Thỏa thuận hợp tác số 01/TTHT/2009/PVFI-WSS. Ngày 22/4/2011, Công ty đã họp với PVFI và cùng đi đến thống nhất giải quyết dứt điểm các tồn tại trên cơ sở xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân để thu hồi tiền thanh toán cho PVFI trước ngày 15/5/2011, nếu quá thời hạn này mà các tồn tại chưa được xử lý dứt điểm thì WSS sẽ cùng với PVFI đưa vụ việc ra cơ quan có thẩm quyền để điều tra giải quyết. Ngày 26/4/2011, Công ty và PVFI tiếp tục họp, thống nhất thu hồi nợ bằng cách chuyển toàn bộ số dư tiền và số dư chứng khoán được hình thành từ toàn bộ khoản nợ trên trong các tài khoản của khách hàng sang tài khoản của PVFI mở tại Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge. Tiền và chứng khoán đã được chuyển theo đúng nội dung đã thống nhất. Đến nay, chưa có thêm sự kiện nào liên quan đến vụ việc này.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau

	Mối quan hệ	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Chuyển trái phiếu thành cổ phiếu			
- Công ty CP May Đức Giang	Góp vốn	1.349.800.000	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Góp vốn			
- Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	14.950.000.000	14.950.000.000
- Công ty CP May Đức Giang	Góp vốn	22.349.800.000	21.000.000.000
Hợp tác đầu tư			
- Công ty CP Vàng Phố Wall	Cùng Tập đoàn	2.980.000.000	2.980.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	108.000.000.000	108.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Lê Thị Thái Hà
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2013

111
CÔNG
HIỆM
YU T
KẾ T
TOA
M-TF

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La
Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 01: Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
				VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1	TCM	2	2	35.800	35.800			(24.200)	(19.000)	11.600	16.800	
2	STB	2	2	41.997	41.997			(2.197)	(11.797)	39.800	30.200	
3	TCR	6	6	52.800	52.800			(26.400)	(21.600)	26.400	31.200	
4	VTO	5	5	59.500	59.500			(36.500)	(38.000)	23.000	21.500	
5	TNA	3	3	60.300	60.300			(14.700)	(300)	45.600	60.000	
6	REE	4	4	66.401	66.401			(1)	(21.201)	66.400	45.200	
7	PIT	5	5	68.000	68.000			(37.000)	(30.000)	31.000	38.000	
8	SDD	18	18	192.590	192.590			(134.990)	(136.790)	57.600	55.800	
9	SFC	2	2	93.000	93.000			(47.000)	(39.800)	46.000	53.200	
10	HTI	7	7	108.500	108.500			(79.800)	(88.200)	28.700	20.300	
11	TTC	20	20	200.000	200.000			(94.000)	(148.000)	106.000	52.000	
12	AGF	6	6	211.800	211.800			(82.800)	(83.400)	129.000	128.400	
13	DCS	12	12	238.800	238.800			(195.600)	(194.400)	43.200	44.400	
14	PVC	10	10	259.000	259.000			(128.000)	(139.000)	131.000	120.000	
15	MCO	14	14	267.400	267.400			(211.400)	(194.600)	56.000	72.800	
16	VSP	10	10	272.000	272.000			(259.000)	(222.000)	13.000	50.000	
17	KDC	7	6	310.000	310.000			(30.000)	(154.000)	280.000	156.000	
18	NSC	8	8	312.800	312.800	51.200	24.000	-		364.000	336.800	
19	CTS	21	21	405.300	405.300			(252.000)	(298.200)	153.300	107.100	
20	VGS	19	19	473.100	473.100			(381.900)	(399.000)	91.200	74.100	
21	ITC	15	15	480.000	480.000			(358.500)	(370.500)	121.500	109.500	
22	VIC	11	9	495.000	495.000	385.000	400.500			880.000	895.500	
23	CIC	33	30	513.000	513.000			(443.700)	(456.000)	69.300	57.000	
24	BCC	40	40	536.000	536.000			(368.000)	(412.000)	168.000	124.000	
25	HAI	18	18	580.500	580.500			(144.900)	(148.500)	435.600	432.000	
26	TPH	72	72	720.000	720.000			(295.200)	(345.600)	424.800	374.400	
27	TXM	75	75	727.500	727.500			(472.500)	(517.500)	255.000	210.000	
28	ACB	30	30	867.485	867.485			(378.485)	(219.485)	489.000	648.000	
29	DAE	61	61	829.600	829.600			(207.400)	(366.000)	622.200	463.600	
30	VII	40	40	840.000	840.000			-	(760.000)	840.000	80.000	
31	CTN	33	30	858.000	858.000			(712.800)	(747.000)	145.200	111.000	
32	HBD	60	60	882.000	882.000			(252.000)	(192.000)	630.000	690.000	
33	KLS	-	46		883.648			-	(520.248)		363.400	

HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La
Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 01: Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
		Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
34	PVI	51	51	1.085.988	1.085.988			(310.788)	(142.488)	775.200	943.500	
35	NHC	33	33	1.333.200	1.333.200			(706.200)	(508.200)	627.000	825.000	
36	TH1	26	26	340.589	340.589	345.811	221.011	-		686.400	561.600	
37	SHS	120	120	1.381.000	1.381.000			(769.000)	(997.000)	612.000	384.000	
38	PLC	133	111	1.510.000	1.510.000	657.900	55.100			2.167.900	1.565.100	
39	NBP	62	62	1.537.600	1.537.600			(750.200)	(607.600)	787.400	930.000	
40	VC9	75	75	1.950.000	1.950.000			(1.530.000)	(1.522.500)	420.000	427.500	
41	THT	100	67	1.896.100	1.896.100			(856.100)	(1.306.500)	1.040.000	589.600	
42	VC2	57	38	2.086.200	1.896.200			(1.556.100)	(1.364.200)	530.100	532.000	
43	SJE	80	80	2.250.000	2.250.000			(1.618.000)	(1.786.000)	632.000	464.000	
44	QNC	72	72	2.338.300	2.338.300			(1.942.300)	(1.819.900)	396.000	518.400	
45	VCS	76	45	2.605.023	2.605.023			(1.814.623)	(2.123.523)	790.400	481.500	
46	VC1	80	80	3.832.000	3.832.000			(2.480.000)	(2.896.000)	1.352.000	936.000	
47	HPC	239	239	4.800.400	4.800.400			(3.892.200)	(4.035.600)	908.200	764.800	
48	PVS	60	60	1.279.341	1.279.341			(451.341)	(367.341)	828.000	912.000	
49	VCG	92	92	3.487.837	3.487.837			(2.705.837)	(2.669.037)	782.000	818.800	
50	DIC	6.386	5.806	66.805.890	66.805.890			(23.381.090)	(28.486.290)	43.424.800	38.319.600	
TỔNG CỘNG		8.411	7.763	112.577.641	113.271.289	1.439.911	700.611	(50.434.752)	(57.926.300)	63.582.800	56.045.600	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 02: Tình hình đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu										
- Công ty CP Khoáng Sản Thiên Đức	530.000	530.000	6.900.000.000	6.900.000.000	-	-	(2.660.000.000)	(1.176.000.000)	4.240.000.000	5.724.000.000
- Tổng Cty Đức Giang - Cty Cổ Phần	834.980	700.000	22.349.800.000	21.000.000.000	-	-	(11.077.570.000)	(13.300.000.000)	11.272.230.000	7.700.000.000
- Cty CP Khu Nghi Dưỡng & Sản Gold Đầm Vạc	575.571	575.571	57.557.100.000		-	-	-	-	57.557.100.000	57.557.100.000
TỔNG CỘNG	1.940.551	1.805.571	86.806.900.000	27.900.000.000	-	-	(13.737.570.000)	(14.476.000.000)	73.069.330.000	70.981.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4 số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

XI . BÁO CÁO BỘ PHẬN (Phụ lục 04)

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới, tự doanh, lưu ký	Tư vấn	Thu lãi tiền gửi, cổ tức	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.435.490.557	45.454.545	30.615.689.904	33.096.635.006	-	33.096.635.006
Chi phí trực tiếp	21.274.035.348	100.000.000	12.915.227.119	34.289.262.467	-	34.289.262.467
Chi phí					-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.838.544.791)	(54.545.455)	17.700.462.785	(1.192.627.461)	-	(1.192.627.461)
Tài sản bộ phận	3.265.315.399	262.930.674	195.805.300.511	199.333.546.584	-	199.333.546.584
Tài sản không phân bổ	-	-	-	328.233.699.769	-	328.233.699.769
Tổng tài sản				527.567.246.353	-	527.567.246.353
Nợ phải trả của các bộ phận	8.828.813.809	-	7.356.325.450	16.185.139.259	-	16.185.139.259
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.224.041.200	-	1.224.041.200
Tổng nợ phải trả	8.828.813.809	-	7.356.325.450	17.409.180.459	-	17.409.180.459

